

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 4110 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 21 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Nâng cao tỷ trọng nội địa hóa, năng lực công nghệ và hiệu quả quản lý tri thức trong một số ngành xuất khẩu chủ lực của tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

SỞ CÔNG THƯƠNG BÌNH DƯƠNG

DEN SỐ: 423
Ngày: 20/09/2020

Chuyển:

Lưu hồ sơ: Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Chương trình số 24-CTr/TU ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Tỉnh ủy Bình Dương về việc tiếp tục phát triển dịch vụ chất lượng cao phục vụ sản xuất công nghiệp và đô thị Bình Dương, giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình số 24-CTr/TU;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2505/TTr-SCT ngày 30 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đổi tên Đề án “Nâng cao tỷ trọng nội địa hóa và hàm lượng công nghệ, tri thức trong các sản phẩm xuất khẩu chủ lực và dịch vụ hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến 2025” thành Đề án “Nâng cao tỷ trọng nội địa hóa, năng lực công nghệ và hiệu quả quản lý tri thức trong một số ngành xuất khẩu chủ lực của tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Điều 2. Phê duyệt nội dung Đề án “Nâng cao tỷ trọng nội địa hóa, năng lực công nghệ và hiệu quả quản lý tri thức trong một số ngành xuất khẩu chủ lực của tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (Nội dung Đề án đính kèm).

Điều 3. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai Đề án đạt mục tiêu đề ra.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND, ĐĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT;
- Như Điều 4;
- LĐVP, Tr, TH;
- Lưu: VT. 31

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯƠNG TRỰC



Mar Hùng Dũng

ĐỀ ÁN

“**Nâng cao tỷ trọng nội địa hóa, năng lực công nghệ và hiệu quả quản lý tri thức trong một số ngành xuất khẩu chủ lực của tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4110/QĐ-UBND ngày 31/12/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ĐỀ ÁN

1. Tên đề án: “Nâng cao tỷ trọng nội địa hóa, năng lực công nghệ và hiệu quả quản lý tri thức trong một số ngành xuất khẩu chủ lực của tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” nhằm thực hiện Chương trình số 24-CTr/TU của Tỉnh ủy Bình Dương về việc tiếp tục phát triển dịch vụ chất lượng cao phục vụ sản xuất công nghiệp và đô thị Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng cho giai đoạn tiếp theo.

2. Cơ quan chủ trì đề án: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

3. Cơ quan quản lý đề án: Sở Công Thương.

4. Phạm vi, đối tượng của đề án

a. Phạm vi: Các ngành sản xuất và dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn và kết nối với Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam.

b. Đối tượng

- Các doanh nghiệp sản xuất, chủ yếu trong bốn ngành: cơ khí chế tạo, điện tử, dệt may và gốm sứ trên địa bàn tỉnh.

- Các doanh nghiệp, đơn vị cung ứng trong một số ngành dịch vụ hỗ trợ quan trọng cho sản xuất, trong đó có logistics và đào tạo.

- Các Hiệp hội ngành nghề trong các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ.

II. BỐI CẢNH CỦA ĐỀ ÁN

Bình Dương là địa phương có điều kiện thuận lợi cho tập trung phát triển sản xuất và xuất khẩu. Năm 2018, Bình Dương đứng thứ 2 cả nước về thu hút vốn đầu tư FDI; đứng thứ 4 về xuất khẩu với mặt hàng chủ yếu là sản phẩm gỗ, dệt may, giày dép, điện tử, sắt thép và máy móc thiết bị... Tuy nhiên, giá trị gia tăng trong sản phẩm còn thấp, hiệu quả chưa tương xứng với quy mô; khu vực FDI chiếm gần 80% kim ngạch xuất khẩu nhưng liên kết với doanh nghiệp trong nước còn yếu. Doanh nghiệp đánh giá cao về tính năng động của Chính quyền, nhưng chưa khai thác hiệu quả chính sách hỗ trợ của Nhà nước và mối liên kết bên ngoài với Trường, Viện, Trung tâm nghiên cứu. Các điểm nghẽn về nhân lực và chi phí cao về logistics chưa được cải thiện.

Trong khi đó, kinh tế thế giới đang xảy ra các xung đột thương mại phức tạp và khó lường, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu, đồng thời cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 diễn biến với tốc độ rất nhanh, đặt ra những yêu cầu phát triển mới mẻ và rất khác với giai đoạn trước đây.

Đề án “Nâng cao tỷ trọng nội địa hóa, năng lực công nghệ và hiệu quả quản lý tri thức trong một số ngành xuất khẩu chủ lực của tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được ra đời nhằm giải quyết các vấn đề trên. Đề án đánh giá một cách khoa học về năng lực quản lý tri thức, năng lực công nghệ và hoạt động nội địa hóa của một số ngành công nghiệp xuất khẩu trọng yếu của tỉnh, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng tỷ lệ nội địa hóa, phát huy thế mạnh và tiềm năng của Bình Dương, đẩy mạnh hiệu quả xuất khẩu, hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với địa phương, đảm bảo phát triển bền vững.

III. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

Xây dựng chiến lược và đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tri thức, năng lực công nghệ và tỷ lệ nội địa hóa trong bốn ngành sản xuất và xuất khẩu chủ lực của tỉnh (Điện tử, Cơ khí chế tạo, Dệt may và Gốm sứ), đồng thời nâng cao hiệu quả các lĩnh vực Logistics và Đào tạo nhân lực.

IV. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Nội dung chính của đề án

Đề án thực hiện 05 nội dung chính sau đây:

- Làm rõ khái niệm, tổng kết kinh nghiệm thế giới và Việt Nam về quản lý tri thức, năng lực công nghệ, nội địa hóa; xây dựng các thước đo tương ứng để làm cơ sở đánh giá và áp dụng cho các ngành sản xuất Cơ khí chế tạo, Điện tử, Dệt may, Gốm sứ của tỉnh.

- Khảo sát doanh nghiệp, đo lường hiệu quả quản lý tri thức, năng lực công nghệ, và tỷ lệ nội địa hóa trong bốn ngành sản xuất của tỉnh.

- Phân tích mối quan hệ giữa hiệu quả quản lý tri thức, năng lực công nghệ, và tỷ lệ nội địa hóa trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng Công nghiệp 4.0 để làm cơ sở xây dựng chiến lược phát triển các ngành xuất khẩu chủ lực.

- Phân tích cơ hội, thách thức, điểm mạnh và điểm yếu để đề xuất chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tri thức, năng lực công nghệ, tỷ trọng nội địa hóa và cải thiện môi trường kinh doanh chung trên địa bàn tỉnh.

- Đề xuất các nhiệm vụ cụ thể, giao cho các đầu mối chủ trì và phối hợp với lộ trình nhằm triển khai thực hiện Đề án. Ngoài ra, Đề án còn phân tích sâu và đề xuất các giải pháp cụ thể cho từng ngành sản xuất.

2. Khái niệm và khung phân tích đánh giá

Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam và thế giới chỉ ra rằng các khái niệm "hàm lượng tri thức" và "hàm lượng công nghệ" không thể đo lường một cách khách quan và chính xác trong các sản phẩm cụ thể nên Đề án tập trung vào đo lường và đánh giá hiệu quả quản lý tri thức và năng lực công nghệ ở cấp độ doanh nghiệp.

+ Quản lý tri thức:

Quản lý tri thức là khai thác trí tuệ tập thể nhằm nâng cao khả năng ứng phó và năng lực đổi mới của tổ chức. Chu trình quản lý tri thức bao gồm các hoạt động nắm bắt tri thức, tạo ra tri thức mới, mã hóa tri thức, chia sẻ tri thức, truy xuất đến tri thức. Các hoạt động này hướng tới việc nâng cao năng lực học hỏi tổ chức. Bên cạnh đó, hoạt động quản lý tri thức còn bao gồm việc ứng dụng và tái sử dụng tri thức trong và ngoài tổ chức. Các hoạt động quản lý tri thức này sẽ được đề cập riêng trong Năng lực công nghệ của doanh nghiệp. Sử dụng tri thức con người và đổi mới sáng tạo sẽ tạo ra sự giàu có nhanh chóng và bền vững hơn. Năng suất và tăng trưởng của các nền kinh tế ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào tri thức.

+ Năng lực công nghệ:

Năng lực công nghệ là khả năng ứng dụng kiến thức khoa học vào các mục đích thực tiễn, đặc biệt trong các ngành công nghiệp. World Bank (2003) đưa ra 9 yếu tố để đánh giá năng lực công nghệ của doanh nghiệp, bao gồm (1) Nhận thức về vai trò công nghệ, (2) Tìm kiếm công nghệ, (3) Xây dựng năng lực công nghệ cốt lõi, (4) Chiến lược công nghệ, (5) Đánh giá và lựa chọn công nghệ, (6) Thu nhận/tiếp nhận công nghệ, (7) Triển khai và hấp thụ công nghệ, (8) Học hỏi, (9) Khai thác chính sách và mối liên kết.

+ Nội địa hóa:

Tỷ lệ nội địa hóa là tỷ lệ sử dụng các nguyên vật liệu và phụ tùng sản xuất trong nước so với nhập khẩu. Các chính sách nội địa hóa đúng hướng sẽ khuyến khích chuyển giao công nghệ và tri thức, từ đó từng bước nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp địa phương, tạo việc làm cho lao động trong nước, giúp ngành công nghiệp địa phương phát triển, đẩy mạnh xuất khẩu, và giúp tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương. Tuy nhiên, chính sách nâng cao tỷ lệ nội địa hóa thường gặp phải các khó khăn về quy mô thị trường, khả năng tham gia chuỗi cung ứng, phát sinh ô nhiễm môi trường, cam kết trong WTO và các hiệp định tự do thương mại...

Để nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, Chính phủ và địa phương đưa ra chiến lược xây dựng công nghiệp hỗ trợ, phát triển hệ thống doanh nghiệp vừa và nhỏ, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp, mở rộng khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, thu hút các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài có sức lan tỏa cao, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nước ngoài nâng cao tỷ lệ nội địa hóa bằng cách đề cao trách nhiệm xã hội, hoặc chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp cung ứng sản phẩm/dịch vụ trong nước kết nối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hoặc doanh nghiệp xuất khẩu,...

+ Mối liên hệ giữa quản lý tri thức, năng lực công nghệ và tỷ trọng nội địa hóa, đổi mới sáng tạo, và hiệu quả kinh doanh

Hiệu quả quản lý tri thức và năng lực công nghệ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tận dụng tiền bộ của Cách mạng công nghiệp 4.0, các doanh nghiệp chuyển lợi thế cạnh tranh từ việc sản xuất qui mô đại trà, khai thác tài nguyên và nhân công giá rẻ sang ứng dụng tri thức và công nghệ để cắt giảm chi phí, gia tăng giá trị sản phẩm/ dịch vụ để đáp ứng tốt hơn các nhu cầu khác nhau của khách hàng. Trong bối

cạnh toàn cầu hóa, các doanh nghiệp không chỉ cạnh tranh trên từng thị trường riêng biệt mà còn cạnh tranh thông qua chuỗi giá trị toàn cầu. Hiệu quả cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cũng như giữa các chuỗi giá trị sẽ quyết định mức độ nội địa hóa của các sản phẩm xuất khẩu.

3. Dự báo tăng trưởng xuất nhập khẩu của bốn ngành sản xuất và đặc điểm của tỉnh

Năm 2018, kim ngạch xuất khẩu Việt Nam đạt 215 tỷ USD, với mức xuất siêu đạt 1,9 tỷ USD. Mật hàng Thiết bị điện tử và Dệt may có mức xuất siêu lần lượt là 27,5 tỷ và 21,3 tỷ USD, trong khi các sản phẩm máy móc, xe hơi và phụ tùng, vải, gốm sứ đều nhập siêu. Dự kiến, mức độ xuất/nhập siêu của các sản phẩm này sẽ tiếp tục gia tăng đến 2022.

Kết quả phân tích cho thấy: Việt Nam có tiềm năng gia tăng xuất khẩu ở cả 04 ngành sản xuất: Cơ khí chế tạo, Điện tử, Dệt may, và Gốm sứ. Kim ngạch nhập khẩu cũng gia tăng song song với sự gia tăng của kim ngạch xuất khẩu, phản ánh thực tế là nhập khẩu đầu vào để tạo ra xuất khẩu đầu ra, đặc biệt ở 03 ngành Cơ khí chế tạo, Điện tử, và Dệt may. Đây là một cơ hội rất lớn để Việt Nam phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và gia tăng tỷ lệ nội địa hóa. Tuy nhiên, đây cũng là một thách thức lớn vì các nhà cung ứng Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với mạng lưới các nhà cung ứng trong khu vực về chất lượng và giá thành. Ngoài ra, nhập khẩu gia tăng sẽ tạo ra áp lực lớn cho các doanh nghiệp hướng về thị trường nội địa, đặc biệt các doanh nghiệp sản xuất máy móc và gốm sứ.

Kết quả điều tra cho thấy 04 ngành sản xuất tỉnh Bình Dương có tổng cộng 3.252 doanh nghiệp, chiếm 18,2% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, cao hơn tỷ lệ doanh nghiệp trung bình của Việt Nam là 13,4%. Ngoài ra, bốn ngành này có tổng số lao động 358.931, chiếm 32,5% tổng số lao động của tỉnh. Kết quả này khẳng định tầm quan trọng đặc biệt của bốn ngành sản xuất đối với kinh tế tỉnh Bình Dương.

Đặc điểm của Bình Dương là tỷ lệ dân nhập cư cao nhất cả nước với 53,5%, khoảng 51% người lao động làm việc cho các doanh nghiệp, cao gấp 04 lần so với trung bình cả nước. Bình Dương có mật độ 8,3 doanh nghiệp/1000 người dân, cao hơn mức 5,6 trung bình của Việt Nam. Suất sinh lợi trên vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Bình Dương cao hơn nhiều so với trung bình của Việt Nam và thành phố Hồ Chí Minh. Điểm nổi bật của Tỉnh là mức độ thu hút doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (FDI): mật độ đầu tư vốn FDI là 14.861 USD/đầu người, cao gấp 04 lần trung bình Việt Nam, FDI chiếm 83% vốn sản xuất kinh doanh của Tỉnh, cao gấp 3,2 lần trung bình cả nước. Các doanh nghiệp FDI chiếm 50% doanh thu nhưng chiếm tới 77% tổng kim ngạch xuất khẩu của Tỉnh. Tỉnh cần tận dụng hiệu quả các đặc điểm này, đặc biệt là lợi thế thu hút doanh nghiệp FDI, để xây dựng chiến lược phát triển của mình.

4. Hiệu quả quản lý tri thức, năng lực công nghệ và tỷ lệ nội địa hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Đề án thực hiện phỏng vấn sâu lãnh đạo một số doanh nghiệp, hiệp hội trong bốn ngành sản xuất và hai lĩnh vực Logistics và đào tạo trước khi thực hiện khảo sát

175 doanh nghiệp trong các ngành Cơ khí chế tạo, Điện tử, Dệt may, Gốm sứ và Logistics. Phần tiếp theo sẽ trình bày kết quả khảo sát doanh nghiệp.

Bảng dưới đây cho thấy hiệu quả quản lý tri thức của bốn ngành được đánh giá khá tốt (khoảng 3,19- 3,27 trên thang điểm 4) nhưng năng lực công nghệ và kế hoạch nội địa hóa chưa được đánh giá cao (dưới 3). Ngành Gốm sứ có năng lực công nghệ thấp nhất. Hiệu quả quản lý tri thức, năng lực công nghệ và kế hoạch nội địa hóa của các doanh nghiệp định hướng thị trường nội địa (có doanh thu nội địa lớn hơn 50% tổng doanh thu) không khác biệt đáng kể so với các doanh nghiệp định hướng xuất khẩu (có doanh thu xuất khẩu trên 50% tổng doanh thu), tuy nhiên các doanh nghiệp định hướng xuất khẩu thường có tỷ lệ nội địa hóa thấp hơn nhiều so với các doanh nghiệp định hướng nội địa. Các doanh nghiệp cơ khí chế tạo Bình Dương có tỷ lệ nội địa hóa khoảng 57% (doanh nghiệp định hướng xuất khẩu) và 68% (doanh nghiệp định hướng nội địa), cao hơn nhiều so với mức 32% trung bình của cả nước; các ngành điện tử và dệt may có mức độ nội địa hóa tương tự như trung bình của cả nước; riêng ngành Gốm sứ Bình Dương có tỷ lệ nội địa hóa cao trên 90%.

Bảng 1: Hiệu quả quản lý tri thức, năng lực công nghệ và tỷ lệ nội địa hóa

STT	Tiêu chí	Thị trường chính của DN	Cơ khí chế tạo	Điện tử	Dệt may	Gốm sứ	Tổng
1	Hiệu quả Quản lý tri thức	Nội địa	3.4	3.5	3.56	2.93	3.27
		Xuất khẩu	3.18	3.58	3.07	3.22	3.19
2	Năng lực công nghệ	Nội địa	3.13	3.05	3.14	2.73	2.94
		Xuất khẩu	2.86	3.02	2.96	2.8	2.9
3	Kế hoạch nội địa hóa	Nội địa	2.8	3.2	3.3	3.2	3
		Xuất khẩu	3.3	3.6	2.7	2.7	2.9
4	Tỷ lệ nội địa hóa Bình Dương (%)	Nội địa	67.87	60.00	88.00	90.50	80.17
		Xuất khẩu	56.50	31.50	40.00	93.01	61.67
5	Tỷ lệ nội địa hóa Việt Nam (2018)	Chung cả XK và nội địa	32%	20-30%	40-45%		

Trong số 09 thành phần năng lực công nghệ, thành phần “Khai thác chính sách và kết nối bên ngoài” có điểm trung bình thấp nhất. Về cơ bản, các doanh nghiệp chưa tận dụng được các chính sách ưu đãi phát triển công nghệ của Nhà nước và chưa có nhiều hợp tác với các Viện, Trường và Trung tâm tư vấn công nghệ.

+ Mức độ liên kết giữa các doanh nghiệp

Kết quả khảo sát cho thấy khoảng 20% doanh nghiệp định hướng nội địa và 28% doanh nghiệp định hướng xuất khẩu có hợp đồng dài hạn và ổn định với các doanh nghiệp FDI. Chỉ 16% doanh nghiệp định hướng xuất khẩu có hợp đồng dài hạn với các doanh nghiệp trong nước. Nói một cách khác, các doanh nghiệp nội địa chưa phát triển được mối quan hệ dài hạn và bền vững với các doanh nghiệp FDI hoặc doanh nghiệp định hướng xuất khẩu. Tuy nhiên, tín hiệu lạc quan là khoảng 48% doanh nghiệp định hướng xuất khẩu “phản nào” có hợp đồng dài hạn với doanh nghiệp trong nước. Với các chính sách phù hợp, tỉnh có cơ hội chuyển con số 48%

thành “có” hợp đồng dài hạn với doanh nghiệp trong nước, qua đó góp phần nâng cao tỷ lệ nội địa hóa.

+ Mức độ đổi mới của doanh nghiệp

Nhìn chung, các doanh nghiệp đổi mới bằng hoạt động đào tạo năng lực nhân viên và cải thiện mối quan hệ hợp tác giữa nhân viên công ty và nhà cung ứng. Nhưng chỉ 40% doanh nghiệp thực hiện làm nghiên cứu thị trường và sử dụng tư vấn chiến lược và quản lý. Kết quả cho thấy hoạt động marketing và xây dựng chiến lược nói chung bị hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng kết nối của doanh nghiệp.

Mức độ đổi mới trung bình của 04 ngành là 59%, trong đó ngành điện tử có nhiều đổi mới nhất (71%). Doanh thu từ các sản phẩm đổi mới trong 03 năm vừa qua chiếm khoảng 35% tổng doanh thu. Ngành gỗ sú có tỷ lệ doanh thu từ sản phẩm đổi mới cao nhất, chiếm 39%.

+ Tương quan giữa năng lực, nội địa hóa, hiệu quả chuỗi và đổi mới

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa hiệu quả quản lý tri thức, năng lực công nghệ, kế hoạch thay thế nguyên vật liệu nhập khẩu bằng nguyên vật liệu sản xuất nội địa, hiệu quả kết nối doanh nghiệp và mức độ đổi mới sản phẩm hay quy trình sản xuất. Kết quả này khẳng định **tăng cường hiệu quả quản lý tri thức sẽ giúp doanh nghiệp tăng năng lực công nghệ, tăng tỷ lệ nội địa hóa, gia tăng liên kết với doanh nghiệp FDI, tăng xuất khẩu và tăng đổi mới sản phẩm hay quy trình.**

+ Đánh giá môi trường kinh doanh

Các doanh nghiệp cho rằng môi trường kinh doanh của tỉnh khá thuận lợi, với điểm trung bình các yếu tố môi trường đều trên 3,0, điểm mạnh nhất là hạ tầng thông tin liên lạc, tiếp đến là định hướng chính sách của lãnh đạo tỉnh. Tuy nhiên, một số yếu tố là điểm mạnh của ngành này, nhưng lại chưa được doanh nghiệp ngành khác đánh giá cao. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cho rằng còn yếu như: tình trạng gian lận xuất xứ hàng hóa, chi phí logistic cao, chính sách ưu đãi về phát triển công nghệ, nhân lực và hỗ trợ của Hiệp hội, v.v...

Tóm lại, kết quả điều tra cho thấy quản lý tri thức hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực công nghệ, từ đó giúp doanh nghiệp đổi mới sản phẩm và gia tăng kết nối với doanh nghiệp khác, đặc biệt doanh nghiệp FDI, qua đó sẽ gia tăng tỷ lệ nội địa hóa. Nghiên cứu cũng chỉ ra việc cải thiện các yếu tố môi trường kinh doanh sẽ không chỉ giúp thu hút nhân lực, cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp, thu hút đầu tư vào tỉnh mà còn tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển các năng lực học hỏi tổ chức, năng lực công nghệ, và nâng cao tỷ lệ nội địa hóa.

5. Chiến lược nâng cao hiệu quả quản lý tri thức, năng lực công nghệ và tỷ trọng nội địa hóa

Dựa trên các kết quả nghiên cứu, Đề án tóm tắt các cơ hội, thách thức, điểm mạnh và điểm yếu (SWOT) của tỉnh như sau:

Bảng 2: Cơ hội, thách thức, điểm mạnh và điểm yếu (SWOT) của Bình Dương

Mục tiêu	1/ Giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý tri thức 2/ Giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực công nghệ 3/ Nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong các sản phẩm xuất khẩu chủ lực
Cơ hội	<ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng xuất khẩu và thu hút đầu tư nhờ các hiệp định tự do thương mại - Tiến bộ công nghệ như dữ liệu lớn, thông minh nhân tạo, in 3D, block-chain giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, cắt giảm chi phí và đổi mới mô hình kinh doanh - Thu hút doanh nghiệp sản xuất và cung ứng dịch vụ từ TP.HCM
Thách thức	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp FDI dịch chuyển đầu tư sang các quốc gia phát triển do các tiến bộ tự động hóa - Lao động nhập cư dịch chuyển ra khỏi Bình Dương và trở về địa phương cũ - Gian lận thương mại ảnh hưởng đến thuế áp lên doanh nghiệp Việt Nam và cạnh tranh không lành mạnh
Điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lý chiến lược giáp ranh với TP.HCM, một đầu tàu kinh tế Việt Nam - Hạ tầng cơ sở vật chất, thông tin truyền thông tốt - Lòng tin của doanh nghiệp đối với lãnh đạo tỉnh - Thu hút đầu tư và xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI - Sự phát triển các khu công nghiệp
Điểm yếu	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí logistics cao do thiếu quy hoạch logistics, bãi depo, chưa tận dụng giao thông đường thủy - Chưa thu hút và giữ chân được các nhà quản lý trung và cao cấp từ TP.HCM - Đào tạo nhân lực không đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp - Hiệu quả hoạt động của các hiệp hội chưa cao - Kết nối giữa doanh nghiệp nội địa và FDI chưa hiệu quả - Các doanh nghiệp chưa khai thác hiệu quả chính sách hỗ trợ của Nhà nước & mối liên kết bên ngoài với Trường, Viện, Trung tâm nghiên cứu,... - Năng lực tìm kiếm, triển khai và hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp địa phương còn yếu

Từ các phân tích SWOT của 04 ngành sản xuất (Cơ khí chế tạo, Điện tử, Dệt may, Gốm sứ), đề xuất ba nhóm chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tri thức, năng lực công nghệ và tỷ trọng nội địa hóa, cùng chiến lược cải thiện môi trường kinh doanh. Ngoài ra, Đề án cũng xác định cấp chịu trách nhiệm (doanh nghiệp, tỉnh Bình Dương và Trung ương) với các nhiệm vụ/hoạt động cụ thể và đề xuất thước đo kết quả hoạt động (KPI).

a) Chiến lược nâng cao năng lực quản lý tri thức

Cấp	Mục tiêu	Hoạt động	Thước đo (KPI)
Doanh nghiệp	Nâng cao hiệu quả quản lý tri thức	Xây dựng văn hóa học tập trong tổ chức nhằm thúc đẩy việc chia sẻ kinh nghiệm định kỳ trong và ngoài tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Số giờ học hỏi chuyên môn, đào tạo kỹ năng/người lao động/năm - Kinh phí đào tạo/ lao động

			<p>Đầu tư các hệ thống công nghệ thông tin – viễn thông nhằm nắm bắt các tri thức đã có, và hỗ trợ việc tái sử dụng tri thức</p> <p>Cải thiện môi liên kết với các trường, viện trong việc đặt hàng nghiên cứu và cộng tác</p> <p>Tuyển dụng người giỏi, đào tạo, nâng cao tay nghề đội ngũ</p> <p>Khuyến khích hoạt động đổi mới, sáng tạo, và khuyến khích các ý tưởng cải tiến môi trường làm việc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số cải tiến/lao động - Số tiền đầu tư công nghệ thông tin – viễn thông /người lao động - Số dự án hợp tác - Kinh phí hợp tác
Tỉnh Bình Dương	Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý tri thức		<p>Đổi mới mô hình hoạt động của Hiệp hội doanh nghiệp</p> <p>Hỗ trợ đào tạo kỹ năng quản lý, kiến thức luật pháp và tầm nhìn chiến lược cho các lãnh đạo doanh nghiệp</p> <p>Hỗ trợ tư vấn xây dựng văn hóa và chiến lược cho doanh nghiệp</p> <p>Xây dựng chương trình nâng cấp hạ tầng thông tin và truyền thông</p> <p>Đẩy mạnh mối quan hệ doanh nghiệp - trường đại học</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số lãnh đạo doanh nghiệp tham gia các khóa huấn luyện kỹ năng quản lý/năm - Kết quả phản hồi về các khóa huấn luyện - Số doanh nghiệp tham gia vào các chương trình phát triển bền vững/ trách nhiệm xã hội - Ngân sách đào tạo của doanh nghiệp /lao động/năm - Số doanh nghiệp tham gia chương trình tư vấn chiến lược, nâng cao hiệu quả quản lý - Số doanh nghiệp tham gia Hiệp hội/tổng số doanh nghiệp trên địa bàn - Tổng số người lao động trong các doanh nghiệp thành viên Hiệp hội/tổng lao động của tỉnh - Kết quả khảo sát doanh nghiệp về hiệu quả hoạt động của Hiệp hội
Trung ương	Hỗ trợ nguồn lực và cải cách thẻ chế để giúp địa		<p>Đơn giản hóa thủ tục để giúp doanh nghiệp tiếp cận các quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa</p> <p>Thực hiện nghiêm qui định luật pháp về bảo vệ trí tuệ</p>	

phương
phát huy
hiệu quả
quản lý
nhà nước

Sớm thông qua luật về Hiệp hội
nhằm nâng cao hiệu quả hoạt
động của các hiệp hội doanh
nghiệp. Qui định rõ về sự tham
gia của FDI trong các hiệp hội

b) Chiến lược phát triển năng lực công nghệ

Cấp	Mục tiêu	Hoạt động	KPI
Doanh nghiệp	Nâng cao năng lực công nghệ	Đánh giá năng lực công nghệ hiện tại để nhận diện điểm mạnh và yếu của mình	- Điểm số khảo sát năng lực công nghệ
		Nâng cao năng lực chiến lược, đặc biệt năng lực marketing	- Doanh thu từ khách hàng mới/tổng doanh thu
		Nâng cao năng lực vận hành thông qua việc chuẩn hóa hệ thống quản lý theo 5S, ISO, TQM, Lean Six Sigma	- Mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng sản phẩm
		nâng cao năng lực lựa chọn và tiếp nhận Công nghệ	- Doanh thu từ các sản phẩm mới/tổng doanh thu
		Nâng cao năng lực thiết kế sản phẩm	- Chi tiêu R&D/tổng doanh thu
Tỉnh Bình Dương	Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực công nghệ	Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo của Tỉnh để tư vấn Công nghệ, quản trị doanh nghiệp, truyền thông chính sách và kết nối trường viện	- Số hợp đồng tư vấn, chuyển giao công nghệ
		Thành lập trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) của Tỉnh	- Doanh thu tư vấn/ chuyển giao công nghệ
		Thúc đẩy hợp tác chiến lược với Đại học Quốc gia TP.HCM và một số đại học uy tín khác	- Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia Hiệp hội
		Đưa ra các giải pháp giúp doanh nghiệp khai thác hiệu quả quỹ hỗ trợ đào tạo, Quỹ phát triển khoa học công nghệ của tỉnh	- Số người lao động của doanh nghiệp tham gia Hiệp hội/tổng lao động BD
		Đổi mới mô hình hoạt động của Hiệp hội doanh nghiệp	- Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ y tế, giáo dục, giao thông vận tải và dịch vụ chính phủ điện tử/ cải cách hành chính
		Nâng cao hiệu quả hoạt động của sàn giao dịch công nghệ	- Số lượng giao dịch qua sàn công nghệ
		Có chính sách gắn kết trường viện và doanh nghiệp ở các khu vực gần	- Doanh thu giao dịch qua sàn công nghệ
		Hình thành các khu công nghiệp chuyên ngành	- Giá trị hợp đồng giữa doanh nghiệp và trường/ Viện

Trung ương	Hỗ trợ nguồn lực và cải cách thể chế	Thực hiện quy hoạch Vùng: kết nối giao thông, trung tâm logistics/depo, phát triển ngành công nghiệp (Đơn vị nghiên cứu/đào tạo - Doanh nghiệp - Ngành hỗ trợ)
		Sớm thông qua luật về Hiệp hội nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp
		Đơn giản hóa thủ tục để giúp doanh nghiệp tiếp cận các quỹ đổi mới sáng tạo
		Tháo gỡ khó khăn trong việc sử dụng quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp
		Đưa ra các quy định giúp địa phương sử dụng hiệu quả tài sản công trong lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo

c) Chiến lược tăng tỷ lệ nội địa hóa

Cấp	Mục tiêu	Hoạt động	KPI
Doanh nghiệp	Nâng cao tỷ lệ nội địa hóa	Nâng cao năng lực công nghệ, đặc biệt năng lực vận hành, lựa chọn và tiếp nhận công nghệ, và Khai thác chính sách và mối liên kết bên ngoài	- Tỷ lệ nguyên vật liệu nhập khẩu/Doanh thu
		Nâng cao năng lực marketing và xây dựng chiến lược kinh doanh	- Mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng sản phẩm
		Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp FDI hoặc doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam	- Giá trị hợp đồng với doanh nghiệp FDI/tổng doanh thu
		Tích cực tham gia các chương trình hỗ trợ phát triển nhà cung ứng (Samsung, Toyota, dự án USAID LinkSME)	- Giá trị hợp đồng với doanh nghiệp xuất khẩu trong nước/tổng doanh thu
Tỉnh Bình Dương	Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao tỷ lệ nội địa hóa	Thu hút đầu tư của doanh nghiệp (nước ngoài và địa phương khác) có sức lan tỏa cao (lót ổ đại bàng)	- Tỷ lệ nguyên vật liệu nhập khẩu/Doanh thu
		Xây dựng nền tảng nhà cung ứng Bình Dương	- Số doanh nghiệp tham gia nền tảng nhà cung ứng Bình Dương
		Xây dựng chương trình trách nhiệm xã hội và cộng đồng	- Doanh thu trên nền tảng nhà cung ứng Bình Dương.
		Hình thành các khu công nghiệp chuyên ngành, hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý tập trung nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ.	- Giá trị giao dịch

		Truyền thông và hỗ trợ tư vấn doanh nghiệp tham gia các chương trình phát triển nhà cung ứng (Samsung, Toyota, dự án USAID LinkSME)	giữa doanh nghiệp nội địa và FDI
		Đổi mới mô hình hoạt động của Hiệp hội doanh nghiệp	- Số lượng nhà cung ứng nội địa có hợp đồng dài hạn với FDI
		Cải thiện cơ sở hạ tầng, logistics và nguồn nhân lực	- Kết quả khảo sát doanh nghiệp về hiệu quả hoạt động của Hiệp hội
		Chống gian lận xuất xứ	
		Tăng cường xúc tiến thương mại vào các thị trường có FTA của công nghiệp hỗ trợ trong các ngành cơ khí, điện tử, dệt may	
Trung ương	Hỗ trợ nguồn lực và cải cách thể chế	Thực hiện quy hoạch Vùng: kết nối giao thông, trung tâm logistics/depo, phát triển ngành công nghiệp (Đơn vị nghiên cứu/đào tạo - Doanh nghiệp - Ngành hỗ trợ)	
		Chính sách thu hút doanh nghiệp FDI có tính lan tỏa mạnh & phát triển công nghiệp hỗ trợ	
		Sớm thông qua luật về Hiệp hội nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp	

d) Các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh

+ Thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

- Thu hút nhân lực từ các địa phương khác, đặc biệt từ TP. Hồ Chí Minh
 - Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục đào tạo, và vui chơi giải trí nhằm thu hút nhân lực kỹ thuật chất lượng cao, các nhà quản lý trung và cao cấp về định cư tại Bình Dương. Việc này giúp họ an tâm tập trung vào công việc, giảm thời gian di chuyển giữa TP Hồ Chí Minh và Bình Dương, và nâng cao năng suất lao động.
 - Tăng hiệu quả kết nối giao thông vận tải với TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cung ứng nhân lực chất lượng cao cho các ngành.
- Đào tạo nhân lực địa phương:
 - Hỗ trợ đào tạo quản lý cho các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt gồm sứ và logistics
 - Xây dựng văn hóa chất lượng, đổi mới sáng tạo và phát triển tinh thần kinh doanh
 - Áp dụng các mô hình đào tạo nghề tiên tiến, với sự tham gia tích cực và hiệu quả của doanh nghiệp
 - Đổi mới cấu trúc và cơ chế hoạt động của các trung tâm đào tạo nghề theo hướng khai thác hiệu quả tài sản nhà xưởng, vật chất, tăng cường tự chủ cá hoạt động lẫn tài chính, sáp nhập các trung tâm nhỏ, và đầu tư trọng điểm.

- Đưa ra các quy định chặt chẽ bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động lẫn doanh nghiệp trong việc ràng buộc nghĩa vụ làm việc và chi phí đào tạo nhân lực.

- Xây dựng nền tảng Kết nối lao động tại Bình Dương. Bình Dương cần xây dựng một hệ sinh thái bền vững kết nối người doanh nghiệp và người lao động, đặc biệt lao động kỹ năng trung bình/ thấp. Hệ sinh thái cần kết hợp các ưu điểm của một website giới thiệu việc làm của tư nhân với việc quản lý dữ liệu người lao động của nhà nước.

+ Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các kế hoạch hiện nay của Bình Dương

- Xây dựng trung tâm hỗ trợ tư vấn chuyển giao công nghệ để giúp doanh nghiệp tìm kiếm công nghệ, điều chỉnh và thích nghi công nghệ

- Đẩy mạnh mô hình liên kết 03 nhà (Nhà nước – doanh nghiệp- trường đại học)

- Thường xuyên thu thập ý kiến của doanh nghiệp và rà soát các bất cập giữa các chính sách địa phương và trung ương, loại bỏ các quy định vênh giữa các sở ban ngành, truyền thông, tư vấn để giúp doanh nghiệp hiểu và tận dụng được các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đến doanh nghiệp.

- Thực hiện đề án đầu tư hạ tầng, quy hoạch bến depo, trung tâm logistics nhằm cắt giảm chi phí logistics.

6. Kế hoạch hành động

Stt	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả đầu ra/Sản phẩm	Thời hạn thực hiện và hoàn thành	Nguồn lực
1	Rà soát và thúc đẩy xây dựng các khu công nghiệp chuyên ngành, từng bước hình thành cụm công nghiệp tập trung (cluster)	Sở Công thương	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Khoa học Công nghệ; - Sở Tài nguyên môi trường; - Ban Quản lý các KCN 	Các khu công nghiệp chuyên ngành dệt may, công nghiệp hỗ trợ và công nghệ cao được hình thành và đi vào hoạt động	Từ năm 2021 - 2025 hoàn thiện quy hoạch và các chính sách thúc đẩy xây dựng KCN chuyên ngành	Ngân sách và xã hội hóa
2	Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo của tỉnh để tư vấn công nghệ, quản trị doanh nghiệp, truyền thông chính sách và kết nối trường viện, làm hạt nhân cho	Sở Khoa học Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> Sở Kế hoạch Đầu tư; Sở Công thương ĐH Quốc gia TP.HCM 	Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Bình Dương được thành lập và đi vào hoạt động	Giai đoạn 2020-2022	Ngân sách

	hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh					
3	Đổi mới cơ chế hoạt động của quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp hướng đến hiệu quả	Sở Khoa học Công nghệ	Sở Tài chính; Cục Thuế	Quyết định của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả của quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp	Năm 2020	Nhiệm vụ thường xuyên
4	Xây dựng chính sách thu hút các tập đoàn công nghệ thành lập trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) tại tỉnh	Sở Khoa học Công nghệ	Các Sở ngành liên quan	Quyết định của UBND tỉnh về thu hút thành lập trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) trên địa bàn tỉnh	Giai đoạn 2021-2025	Nhiệm vụ thường xuyên
5	Đẩy mạnh mô hình liên kết 3 nhà (Nhà nước - Doanh nghiệp - Trường Đại học)	Sở Khoa học Công nghệ	Sở Công thương Viện trường trên địa bàn	Quyết định của UBND tỉnh về chính sách khuyến khích liên kết hợp tác giữa Nhà nước - Doanh nghiệp - Trường Đại học	Năm 2021	Ngân sách và xã hội hóa
6	Đổi mới tổ chức và hoạt động của các Hiệp hội doanh nghiệp và ngành nghề trên địa bàn	Sở Công Thương	- Sở Nội vụ; - Các Hiệp hội ngành nghề	Mô hình mới hiệu quả của Hiệp hội Doanh nghiệp được thiết lập và đi vào hoạt động; cơ bản các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh sẽ thông qua Hiệp hội doanh nghiệp	Giai đoạn 2021-2025	Ngân sách và xã hội hóa
7	Xây dựng nền tảng kết nối người lao động và doanh nghiệp	Sở Lao động Thương binh Xã hội	- Sở Thông tin Truyền thông - ĐH Bách khoa TP.HCM	Hệ sinh thái kết nối dữ liệu người lao động với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được thiết lập	- Năm 2020-2022: xây dựng đề án - Giai đoạn 2023-2025: hoàn thiện và triển khai	Ngân sách

8	Đổi mới hoạt động dạy nghề trên địa bàn tỉnh, gắn liền với nhu cầu doanh nghiệp	Sở Lao động Thương binh Xã hội	Các ngành liên quan Các Trường Cao đẳng, dạy nghề trên địa bàn	Mô hình đào tạo dạy nghề tại doanh nghiệp được thí điểm thực hiện và mở rộng theo từng giai đoạn; chú trọng huấn luyện kỹ năng và thái độ với công việc	- Giai đoạn 2020-2022: thí điểm mô hình; - Giai đoạn 2023-2025 sơ kết, mở rộng; - Giai đoạn 2025-2030 triển khai đại trà	Ngân sách và xã hội hóa
9	Chương trình hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả và ứng phó với xung đột thương mại	Sở Công Thương	Cục Hải quan Hiệp hội Doanh nghiệp; Hiệp hội Xuất nhập khẩu	Các chương trình hỗ trợ tập huấn, thông tin về tận dụng cơ hội các hiệp định thương mại tự do và chống gian lận xuất xứ, phòng vệ thương mại được triển khai	Thường xuyên	Ngân sách
10	Quy hoạch kết nối giao thông Vùng nhằm giảm chi phí logistics	Sở Giao thông Vận tải	Sở Công Thương Hiệp hội Doanh nghiệp Logistics	Danh mục các dự án đầu tư hạ tầng đường bộ và đường thủy được thiết lập, kết nối các Trung tâm logistics và các Depo, để kêu gọi đầu tư	Giai đoạn 2020-2022: quy hoạch và thiết lập danh mục kêu gọi đầu tư Giai đoạn 2023 - 2030: thu hút đầu tư và điều chỉnh quy hoạch đảm bảo hiệu quả	Ngân sách PPP
11	Quy hoạch và xây dựng các bãi depo, Trung tâm logistics	Sở Giao thông Vận tải	Sở Xây dựng Hiệp hội Doanh nghiệp Logistics	Đề án quy hoạch và danh mục đầu tư các bãi depo, Trung tâm Logistics	Từ năm 2022	Ngân sách và xã hội hóa
12	Nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp dịch vụ logistics	Hiệp hội Doanh nghiệp Logistics	Sở Công Thương; Sở Giao thông vận tải	Các doanh nghiệp logistics của tỉnh nâng cao tỷ lệ ứng dụng Công nghệ 4.0 và các công nghệ cần thiết khác	Từ 2020	Xã hội hóa

13	Xây dựng nền tảng nhà cung ứng kết hợp Trung tâm Nguyên phụ liệu	Sở Công Thương	Sở Thông tin Truyền thông Sở Khoa học Công nghệ	Hệ sinh thái kết nối nhà cung ứng nội địa và FDI với các chuẩn mực chung, kết hợp với trung bày tại Trung tâm Nguyên phụ liệu	Từ 2021	năm	Ngân sách và xã hội hóa
14	Xây dựng kênh kết nối doanh nghiệp với chính quyền, khảo sát định kỳ và thu thập ý kiến thường xuyên phản ánh chính sách của địa phương và trung ương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công thương, Sở Tư pháp; Hiệp hội doanh nghiệp	Kênh kết nối online (website) được xây dựng; khảo sát định kỳ 2 lần/năm tham mưu kịp thời chính quyền tỉnh điều chỉnh hoặc kiến nghị chính sách	Từ 2020 và thường xuyên	Ngân sách	
15	Thu hút các tập đoàn hoặc các doanh nghiệp lớn có sức lan tỏa cao trong một số nhóm ngành sản xuất	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công thương; Hiệp hội doanh nghiệp	Xây dựng Đề án thu hút doanh nghiệp có sức lan tỏa cao với tiêu chí cụ thể trong một số nhóm ngành và chính sách ưu đãi	Giai đoạn 2025 - 2030	Ngân sách	

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm chung của các Sở ngành

Rà soát các chính sách hoặc chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong phạm vi lĩnh vực phụ trách; bổ sung hoặc điều chỉnh các chính sách hỗ trợ mới theo nội dung đề xuất từ Đề án và đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp trên địa bàn.

Đơn vị được giao chủ trì phối hợp các đơn vị xác định quy mô nhiệm vụ, dự trù kinh phí và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ; báo cáo cho đơn vị đầu mối thực hiện Đề án là Sở Công thương.

Tham gia thẩm định, cho ý kiến về các nhiệm vụ liên quan theo chức năng thẩm quyền.

2. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện Đề án.

Tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ sơ tổng kết thực hiện Đề án trong từng giai đoạn triển khai; đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ nếu cần thiết.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp các sở, ngành liên quan xác định danh mục nghiên cứu triển khai các nhiệm vụ được giao, bổ sung vào kế hoạch hàng năm của tỉnh.

Tổ chức Hội đồng xét duyệt và nghiệm thu đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp Sở Tài chính bố trí ngân sách thực hiện các nhiệm vụ trong Đề án.

Đầu mối xây dựng chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ doanh nhân các cấp, các ngành và lĩnh vực.

5. Sở Tài chính

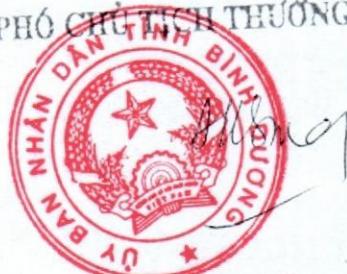
Tham mưu đảm bảo nguồn ngân sách cho việc triển khai các nhiệm vụ, hoạt động cụ thể của Đề án.

Tham gia thẩm định các định mức kinh phí đề xuất theo các nhiệm vụ, hướng dẫn các thủ tục để thực hiện kinh phí theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án, nếu có vướng mắc, khó khăn, Sở Công Thương tổng hợp các ý kiến, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Dũng